

Bản án số 267/2021/HC-PT

Ngày 06/12/2021

Về “*Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế về kết luận thanh tra thuế; ấn định tỷ suất thu nhập thuần trước thuế thu nhập doanh nghiệp; xử lý vi phạm về thuế và giải quyết khiếu nại về thuế*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Tuyết Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 230/2020/TLPT-HC ngày 24/8/2020 về “*Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế về kết luận thanh tra thuế; ấn định tỷ suất thu nhập thuần trước thuế thu nhập doanh nghiệp; xử lý vi phạm về thuế và giải quyết khiếu nại về thuế*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo, kháng nghị. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 484/2021/QĐ-PT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: Công ty TNHH P Việt Nam; địa chỉ Công ty: Lô D13, Km 11, đại lộ N, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty: ông Trần Anh H và bà Võ Thị Ngọc H; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ trụ sở: tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền số 4852/UQ-CT ngày 23/09/2019 và Văn bản ủy quyền số 734/UQ-CT ngày 19/02/2019 của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa là ông Trần Minh C (Phó Cục trưởng), ông C có Đơn ghi ngày 26/11/2021, đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người bị kiện theo Văn bản số 4154/CT-NVDT ngày 25/9/2021 của Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa là ông Nguyễn T – Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng nghiệp vụ Dự toán Pháp chế, thuộc Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa, ông T có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty PI; trụ sở: Vương quốc Anh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty PI bà N (Giám đốc) có Văn bản gửi về từ Anh Quốc từ chối tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án Việt Nam giải quyết vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là Công ty TNHH P Việt Nam trình bày:*

Công ty TNHH P Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty P Việt Nam thành lập ngày 10/01/2014 theo *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp* số 0312618916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, đặt trụ sở chính tại Lô D13, Kml 1, đại lộ N, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, hoạt động trong lĩnh vực khách sạn, ăn uống tại tỉnh Khánh Hòa và thành phố P, tỉnh Bình Thuận gồm 4 đơn vị trực thuộc: (1) Công ty P Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa chính thức hoạt động từ tháng 4/2014; (2). Công ty P Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận chính thức hoạt động từ tháng 12/2014; (3). Công ty P Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận 2 (*đã giải thể*); (4). Công ty P Việt Nam - Chi nhánh K (*đã giải thể*).

Từ cuối tháng 4/2014, Công ty P Việt Nam nhận khách lưu trú do Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) giới thiệu. Ngày 06/9/2017 và ngày 19/9/2017, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1838/QĐ-CT và số 1901/QĐ-CT thanh tra thuế tại Công ty P Việt Nam và Công ty P Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa. Ngày 08/3/2018, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành *Kết luận thanh tra thuế* số 1164/KL-CT, Quyết định số 359/QĐ-CT ấn định tỷ suất thu nhập thuần trước thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên tổng chi phí từ hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến số tiền thuế phải nộp và Quyết định số 360/QĐ-CT xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế. Tại *Kết luận thanh tra thuế* và Quyết định 359, 360 Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa ấn định tỷ suất thu nhập thuần trước thuế TNDN trên tổng chi phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2014 - 2016 theo “*phương pháp so sánh lợi nhuận*” đối với Công ty P Việt Nam và Công ty P Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa đối với năm 2014 là 32,65%; năm 2015 là 18,52% và năm 2016 là 9,57%, tổng số tiền thuế TNDN, tiền chậm nộp thuế TNDN và tiền phạt mà Công ty P Việt Nam phải nộp phát sinh thêm từ việc ấn định “*tỷ suất thu nhập thuần*” tại Quyết định 359 là 48.158.679.966 đồng. Theo nội dung *Kết luận thanh tra thuế* và Quyết định 359, 360 thì cơ sở để Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành các Văn bản này vì Cục Thuế xác định Công ty P Việt Nam có “*quan hệ liên kết*” với Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) nhằm “*chuyển giá, trốn thuế*”. Không đồng ý với *Kết luận thanh tra thuế*, Quyết định số 359, 360 Công ty P Việt Nam khiếu nại nhưng ngày 13/7/2018 Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1542/QĐ-CT ngày 13/7/2018 không chấp nhận khiếu nại của Công ty P Việt Nam.

Nay Công ty P Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: (i) hủy một phần *Kết luận thanh tra thuế* số 1164/KL-CT ngày 08/3/2018 về các nội dung liên quan đến ấn định thuế thu nhập doanh nghiệp ghi tại Mục B, Điều 2 khoản 3.1, 3.2 “*Về việc chấp hành pháp luật thuế*”, Mục B Điều 2 điểm b “*chênh lệch thuế*

TNDN”, đoạn 1 khoản 3.1, khoản 3.2 Điều 3 Mục B về “Xác định vi phạm của đơn vị về chấp hành pháp luật thuế” và Mục C về “Các yêu cầu và kiến nghị”; (ii) hủy toàn bộ Quyết định số 359/QĐ-CT ngày 08/3/2018; (iii) hủy một phần Quyết định số 360/QĐ-CT ngày 08/3/2018 về các nội dung ghi tại các Mục A, B, C của Điều 1 và Điều 2; (iv) hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1542/QĐ-CT ngày 13/7/2018 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa với các lý do:

+ Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Nghị định số 85/2007/NĐ-CP và Nghị định số 124/2008/NĐ-CP nhưng thời điểm phát sinh giao dịch giữa Công ty PI và Công ty P Việt Nam (tháng 4/2014) thì Nghị định số 85/2007/NĐ-CP và Nghị định 124/2008/NĐ-CP đã hết hiệu lực pháp luật và bị thay thế bởi và Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 15/9/2013 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 15/02/2014. Thời điểm Cơ quan Thuế tiến hành thanh tra thì Nghị định số 20/2017/NĐ-CP là văn bản pháp luật có hiệu lực đã thay thế Thông tư 66/2010. Theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP thì trường hợp “*một doanh nghiệp kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp trên 50% sản lượng sản phẩm tiêu thụ (tính theo từng chủng loại sản phẩm) của một doanh nghiệp khác*” mà Cơ quan Thuế viện dẫn đã bị loại bỏ khỏi các trường hợp bị coi là có “*quan hệ liên kết*.”

+ Cơ quan thuế không chứng minh được Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) tham gia “*điều hành, góp vốn hoặc đầu tư*” hoặc “*kiểm soát*” đối với hoạt động của Công ty P Việt Nam. Theo các Chuẩn mực kế toán số 07, 08, 25, 26 về nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản đầu tư của nhà đầu tư vào Công ty liên kết ban hành kèm Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 thì khái niệm “*kiểm soát*” là “*quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó*”, khái niệm này cũng phù hợp với khái niệm “*Kiểm soát*” ghi tại Chuẩn mực kế toán số 11 ban hành kèm Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005. Như vậy, Cơ quan thuế không chứng minh được Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) tham gia “*điều hành, góp vốn hoặc đầu tư*” hoặc “*kiểm soát*” Công ty P Việt Nam mà chỉ dựa vào việc Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) đặt phòng chiếm trên 50% sản lượng sản phẩm tiêu thụ của Công ty (tổng số phòng ngủ đã bán được trong năm) để xác định Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) và Công ty P Việt Nam có “*quan hệ liên kết*” là không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010. Việc Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) sử dụng trên 50% công suất phòng của Công ty P Việt Nam chỉ là kết quả của giao dịch thương mại giữa hai bên; trong các hợp đồng giữa hai bên cũng không có điều khoản nào thể hiện Công ty P Việt Nam cam kết hay Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) yêu cầu Công ty P Việt Nam phải đảm bảo cung cấp cho Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) trên 50% số lượng phòng của Công ty P Việt Nam; việc Cơ quan Thuế đánh đồng khái niệm “*tiêu thụ/mua trên 50% sản lượng*” với khái niệm “*kiểm soát trên 50% sản lượng*” là sai. Vì các lẽ trên, việc Cơ quan thuế xác định Công ty P Việt Nam và Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) có “*quan hệ liên kết*” là không có cơ sở.

+ Việc Công ty P Việt Nam có kê khai *Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết* theo Mẫu số 03-7/TNDN và nộp *Báo cáo xác định giá thị trường* do Công ty A

thực hiện (ghi Công ty P Việt Nam “*có quan hệ liên kết*” với Công ty PI – *đăng ký tại Vương quốc Anh*) là vì Đoàn Thanh tra của Cục Thuế triệu tập Công ty làm việc nhiều lần với lý do Công ty P Việt Nam có “*quan hệ liên kết*” với Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) nhằm mục đích “*chuyển giá, trốn thuế*” nên phát và yêu cầu Công ty phải kê khai theo mẫu in sẵn (Mẫu 03-7/TNDN - *Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết*); trong khi Công ty chỉ mong muốn việc thanh tra sớm kết thúc để ổn định sản xuất, kinh doanh nên đã kê khai theo mẫu in sẵn và nhờ Công ty A giúp lập *Báo cáo xác định giá thị trường* ghi “*có quan hệ liên kết*” chứ thực chất Công ty P Việt Nam không có “*quan hệ liên kết*” với Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) nhằm mục đích “*chuyển giá, trốn thuế*”.

+ “*Tỷ suất thu nhập thuần*” trước thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ quan thuế ấn định trái với quy định tại Điểm 1.3 Khoản 1, điểm 2.1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 66/2010 vì không loại trừ các khác biệt trọng yếu (về đặc tính sản phẩm, về chức năng hoạt động, về điều kiện khi thực hiện giao dịch và điều kiện kinh tế khi diễn ra giao dịch) dẫn đến “*tỷ suất thu nhập thuần*” do cơ quan thuế ấn định quá cao so với “*tỷ suất thu nhập thuần*” mà Báo cáo của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A đưa ra, cụ thể: (i). Về chức năng hoạt động thì đặc thù hoạt động của Công ty P Việt Nam là bỏ toàn bộ chi phí thuê khách sạn của Chủ đầu tư, tiến hành cải tạo, sửa chữa lại theo tiêu chuẩn Dessolet, tuyển dụng lao động, đào tạo nhân viên để tiến hành hoạt động kinh doanh, nhưng lại không được ghi nhận các chi phí này vào tài sản cố định của Công ty P Việt Nam theo nguyên tắc tài chính kế toán mà phải phân bổ các chi phí này trong thời gian không quá 3 năm; trong khi đó, các Doanh nghiệp mà Cơ quan thuế dùng làm căn cứ so sánh được hạch toán toàn bộ các chi phí họ bỏ ra vào tài sản cố định và có thể phân bổ trong thời gian vài chục năm; như vậy, nếu chi phí Công ty P Việt Nam bỏ ra cao thì lợi nhuận không thể bằng lợi nhuận của các Doanh nghiệp so sánh. Công ty P Việt Nam chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ xếp chỗ khách sạn, dịch vụ cung cấp đồ ăn, uống; trong khi các Doanh nghiệp kinh doanh khách sạn được dùng so sánh ngoài hoạt động cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống, còn thực hiện hoạt động kinh doanh vui chơi giải trí, thể dục thể thao, du lịch lữ hành, tổ chức sự kiện, vận chuyển khách...vv; như vậy, lợi nhuận kinh doanh của Công ty P Việt Nam đương nhiên thấp hơn nhiều với các Doanh nghiệp so sánh; (ii) Về điều kiện kinh tế khi diễn ra giao dịch thì việc Cơ quan Thuế dùng Doanh nghiệp so sánh có các cơ sở lưu trú hoạt động tại thành phố Nha Trang và thành phố P để so sánh với các khách sạn của Công ty P Việt Nam hoạt động ở các vị trí hẻo lánh là không công bằng. Ngoài ra, các khách sạn của Công ty P Việt Nam mới đưa vào hoạt động từ giữa hoặc cuối năm 2014 nên không thể cạnh tranh để có doanh thu như những Doanh Nghiệp khách sạn so sánh đã hoạt động lâu dài với lượng khách lưu trú ổn định. Mặt khác, cơ quan thuế ấn định tỷ suất lợi nhuận năm 2014 của Công ty P Việt Nam là 32,65% khi mà những khách sạn của Công ty P Việt Nam mới chỉ hoạt động 1 tháng hoặc 8 tháng (Chi nhánh Bình Thuận bắt đầu hoạt động từ tháng 12/2014, Chi nhánh Khánh Hòa bắt đầu hoạt động từ cuối tháng 4/2014) là không phù hợp với thực tế. Năm 2015 là năm thứ hai Công ty P Việt Nam đi vào hoạt động nhưng lượng khách du lịch mà Công ty khai thác chủ yếu đến từ nước Nga

giảm mạnh do kinh tế Nga suy thoái và biến động từ xung đột giữa Nga với Mỹ và Liên minh Châu Âu liên quan đến cuộc khủng hoảng Ukraine nên Công ty P Việt Nam đã phải đóng cửa Chi nhánh Bình Thuận 2 và Chi nhánh K từ tháng 4/2015; trong khi đó, các Doanh nghiệp so sánh hoạt động lâu năm và khách lưu trú đến từ thị trường Trung Quốc, Châu Âu vv.. không gặp tình trạng như Công ty P Việt Nam. Báo cáo số 1.020/18/TV-AC ngày 05/5/2018 của Công ty A về xác định giá thị trường cho các giao dịch giữa Công ty P Việt Nam và Công ty PI xác định năm 2014, Công ty P Việt Nam mới đi vào hoạt động, doanh thu và tỷ lệ thuê phòng chưa bù đắp được chi phí hoạt động nên không thực hiện so sánh với tỷ suất lợi nhuận của ngành; năm 2015 tỷ suất thu nhập thuần của thị trường là 8,474% (*trong khi Cục thuế xác định là 18,52% là quá cao*); năm 2016, tỷ suất thu nhập thuần của Công ty P Việt Nam cao hơn thị trường nên không cần phải điều chỉnh. Vì vậy, nếu cho rằng Công ty P Việt Nam và Công ty PI có “*quan hệ liên kết*” thì “*tỷ suất thu nhập thuần*” mà Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa áp với Công ty P Việt Nam là quá cao, không đúng pháp luật, không phù hợp với thực tế, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P Việt Nam.

- Ông Nguyễn Minh Chiến (Phó Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa là đại diện theo ủy quyền cho Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa) trình bày:

Thực hiện chỉ đạo của Tổng cục Thuế tại Công văn số 68/TCT-TTr ngày 28/6/2017 về việc tổ chức thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế theo đề nghị của cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an tại Công văn số 1944/CSĐT(C44-P4) ngày 13/6/2017 thì ngày 06/9/2017 Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1838/QĐ-CT thanh tra thuế tại Công ty TNHH P Việt Nam.

Về việc có hay không “*quan hệ liên kết*” giữa Công ty P Việt Nam với Công ty PI, Cục Thuế cho rằng: (i). Công ty TNHH P Việt Nam được thành lập bởi Công ty TNHH P Việt Nam (*chiếm 95% vốn điều lệ*) và bà Hoàng Thị Phong T (*chiếm 5% vốn điều lệ*). Công ty TNHH P Việt Nam do Công ty P F (*đăng ký tại Ai Cập*) là chủ sở hữu 100% vốn đầu tư. Tại Bản giải trình khả năng đáp ứng điều kiện của nhà đầu tư ngày 20/10/2014 của Công ty P F nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa, Công ty tự xác định: “*Nhà đầu tư là một Công ty quản lý, kinh doanh khách sạn được thành lập năm 2004 là một Công ty cùng tập đoàn của P T. Chúng tôi kết hợp là một tập đoàn quản lý khách sạn và khu nghỉ dưỡng, độc đáo bởi ý tưởng, địa điểm và kiến trúc...Nhà đầu tư là một Công ty cùng tập đoàn của P T, được thành lập năm 1994 và hiện nay là một trong những nhà điều hành tua du lịch hàng đầu tại thị trường Nga. P T là một Công ty nổi tiếng với ngũ nhân sự chuyên nghiệp và dịch vụ đáng tin cậy*”. Tại Biên bản làm việc ngày 03/10/2017 với Đoàn Thanh tra, Công ty TNHH Lữ hành P Việt Nam cho biết Công ty TNHH Lữ hành P Việt Nam, Công ty TNHH P Việt Nam và các Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*), Công ty PI (*đăng ký tại Thổ Nhĩ Kỳ*) đều là các Công ty con thuộc Tập đoàn P T (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) do ông R và bà K là đại diện theo pháp luật. Tra cứu Trang Web giới thiệu, đăng ký thương hiệu của Chính phủ Anh: https://*****/trade-marks; thì thấy nhãn hiệu P là nhãn hiệu số 1 của Tập

đoàn P T được đăng ký bảo hộ tại Anh Quốc từ ngày 30/7/2013 đến ngày 30/7/2023 với phạm vi bảo hộ độc quyền trên toàn cầu, những đơn vị nào sử dụng nhãn hiệu P trong hoạt động kinh doanh đều thuộc Tập đoàn P T và các Hợp đồng giữa Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) với Công ty P Việt Nam thì Công ty P Việt Nam sử dụng nhãn hiệu P. Vì các lý do trên, Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa gián tiếp xác định Công ty TNHH P Việt Nam, Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) đều là các Công ty con thuộc Tập đoàn P T (*đăng ký tại Vương quốc Anh*); (ii). Từ năm 2014-2016, Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) kiểm soát trên 50% sản lượng tiêu thụ (công suất phòng) của Công ty P Việt Nam nên căn cứ quy định tại tiết 1, điểm 4.3, khoản 4, Điều 3 Thông tư 66/2010/TT-BTC Đoàn thanh tra xác định Công ty P Việt Nam có “*giao dịch liên kết*” với Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*). Hơn nữa, trước khi Cục Thuế công bố Quyết định thanh tra thì Công ty P Việt Nam cũng tự kê khai theo Mẫu số 03-7/TNDN ban hành kèm Thông tư số 156/2013/TT-BTC cho giai đoạn 2014-2016, thừa nhận có “*quan hệ liên kết*” với Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) nhưng cho rằng giá trị ghi nhận theo sổ sách kế toán không chênh lệch với giá trị xác định lại theo giá thị trường nên không thực hiện điều chỉnh lại lợi nhuận. Vì các căn cứ trên, Đoàn thanh tra Thuế xác định Công ty P Việt Nam và Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) có “*quan hệ liên kết*” là có cơ sở, đúng pháp luật.

Đối với khiếu nại của Công ty P Việt Nam về Quyết định 359 của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa, ấn định “*tỷ suất thu nhập thuần*” trước thuế TNDN tính trên tổng chi phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty P Việt Nam từ năm 2014-2016 theo “*phương pháp so sánh lợi nhuận*” thì: (i). Quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty P Việt Nam không cung cấp các thông tin, dữ liệu và tài liệu chứng minh về “*giao dịch liên kết*” nên căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 9 Thông tư 66/2010/TT-BTC Đoàn thanh tra xác định Công ty P Việt Nam thuộc trường hợp cơ quan thuế ấn định thu nhập chịu thuế theo Phương pháp 4 (Phương pháp so sánh lợi nhuận Tỷ suất thu nhập thuần trước thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng chi phí từ hoạt động sản xuất, kinh doanh) để xác định giá thị trường đối với “*giao dịch liên kết*” giữa Công ty TNHH P Việt Nam với Công ty PI. Sau khi loại suy các yếu tố khác biệt Đoàn Thanh tra đã lựa chọn 08 doanh nghiệp có chức năng hoạt động phù hợp nhất với chức năng hoạt động của Công ty TNHH P Việt Nam để ấn định thu nhập chịu thuế TNDN năm 2014-2016 đối với Công ty TNHH P Việt Nam theo tỷ lệ là số trung vị của các Doanh nghiệp được chọn khảo sát. Kết quả, tỷ suất thu nhập thuần trước thuế TNDN trên tổng chi phí từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ấn định cho năm 2014 là 32,65%, năm 2015 là 18,52%, năm 2016 là 19,57%, trên cơ sở này ngày 08/3/2018 Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 359/QĐ-CT ấn định tỷ suất lợi nhuận và Quyết định số 360/QĐ-CT truy thu, xử phạt thuế đối với Công ty P Việt Nam là có căn cứ, đúng pháp luật; (ii). Đối với lý giải của Công ty P Việt Nam về tổng doanh thu năm 2015 của Công ty P Việt Nam trong *Báo cáo xác định giá thị trường* do Công ty A lập không đúng như Báo cáo tài chính của Công ty vì Công ty cho rằng chỉ lấy doanh thu của Chi nhánh Khánh Hòa và Chi nhánh Bình Thuận, còn 02 Chi nhánh K và Bình Thuận không lấy vì hoạt động không có hiệu quả thì Cục thuế

không chấp nhận vì Chi nhánh K và Chi nhánh Bình Thuận hạch toán phụ thuộc vào Công ty P nên phải tính doanh thu cả 02 Chi nhánh này. Công ty P tự lựa chọn 07 Doanh nghiệp so sánh nhưng chỉ có 02 Doanh nghiệp hoạt động tại thành phố Nha Trang, không có doanh nghiệp nào hoạt động tại thành phố P là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 25 Thông tư số 156/2013/TT-BTC là phải chọn Doanh nghiệp kinh doanh cùng mặt hàng, cùng ngành nghề, cùng quy mô tại địa phương, trường hợp không có mới lấy tại địa phương khác. Đối với lý giải của Công ty P Việt Nam cho rằng năm 2014 không điều chỉnh tỷ suất lợi nhuận về giá trị trung vị 16,605% vì năm 2014 mới thành lập, doanh thu chưa hiệu quả phát sinh nhiều chi phí nhưng không có quy định nào của pháp luật về vấn đề này nên Cục Thuế không chấp nhận lý giải này của Công ty P Việt Nam.

Đối với khiếu nại của Công ty P Việt Nam về *Kết luận thanh tra thuế* số 1164/KL-CT, về Quyết định 359/QĐ-CT và Quyết định 360/QĐ-CT thì Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa cho rằng việc ấn định “*Tỷ suất thu nhập thuần*” trước thuế TNDN mà Công ty P Việt Nam phải nộp do có “*giao dịch liên kết*” thì Đoàn thanh tra thuế đã lựa chọn 08 Doanh nghiệp khảo sát đều phù hợp với tiêu chí về quy mô, địa bàn và nguồn dữ liệu theo đúng quy định tại khoản 4, Điều 25 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 và điểm 1.1, khoản 1, Điều 7 Thông tư 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010. Trong giao dịch với Công ty PI thì Công ty P Việt Nam là bên bán dịch vụ nên tỷ suất lợi nhuận sẽ thấp hơn giá trị trung vị của biên độ giá trị thường chuẩn nên Đoàn Thanh tra điều chỉnh về giá trị trung vị theo đúng quy định tại điểm 1.2 khoản 1, Điều 5 và điểm c, khoản 3, Điều 9 Thông tư 66/2010/TT-BTC. Do đó, Quyết định giải quyết khiếu nại số 1542/QĐ-CT ngày 13/7/2018 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hòa là đúng quy định tại Khoản 4 Điều 25 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 và các quy định của Thông tư 66/2010/TT-BTC, cụ thể là điểm 1.2 khoản 1, Điều 5 về nguyên tắc điều chỉnh giá trị của giao dịch liên kết căn cứ vào biên độ giá thị trường chuẩn; điểm 1.1 khoản 2 Điều 7 quy định về lựa chọn dữ liệu; điểm c khoản 3 Điều 9 Thông tư 66/2010/TT-BTC 7 quy định về lựa chọn dữ liệu; điểm c, khoản 3, Điều 9 quy định về giá trị phù hợp nhất khi cơ quan thuế ấn định thuế có liên quan đến biên độ giá thị trường chuẩn; vì vậy, Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty PI:*

Bà N; địa chỉ Vương Quốc Anh - Hộ chiếu Anh số 558753019 tại *Bản tuyên thệ* ngày 03/01/2020 ghi: “*Tôi là giám đốc duy nhất của Công ty PI, một Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân được thành lập hợp lệ và tồn tại theo luật pháp của Anh và xứ Wales, đã đăng ký với Cơ quan đăng ký Công ty của Anh và xứ Wales số 05723529*”, *Bản tuyên thệ* được Công chứng viên D-Văn phòng công chứng V; địa chỉ Anh, chứng thực (bút lục 680)].

Tại *Bản tự khai và yêu cầu* ngày 29/08/2019 của bà N gửi từ địa chỉ Anh, ghi: tại phiên tòa mở tại Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa ngày 22/8/2019, Tôi đã bác bỏ cáo toàn bộ cáo buộc về việc Công ty PI và Công ty P Việt Nam có “*quan hệ liên kết*” vì mặc dù Công ty PI có hợp đồng với Công ty P Việt Nam về việc đặt phòng nhưng mối quan hệ này đơn thuần là quan hệ thương mại. Công ty PI không

có quyền căn cứ vào những hợp đồng đó để kiểm soát sản lượng sản phẩm tiêu thụ của Công ty P Việt Nam; không có điều khoản hoặc điều kiện nào trong bất kỳ hợp đồng nào giữa Công ty PI và Công ty P Việt Nam buộc Công ty PI phải đặt một số lượng phòng cụ thể hoặc một số lượng phòng tối thiểu tại Công ty TNHH P Việt Nam; Ngoài ra, Công ty PI cũng không có bất kỳ quyền hay sự lựa chọn nào được bảo đảm bởi hợp đồng để được giữ trên 50% công suất phòng (*việc đặt phòng sẽ tùy thuộc vào tình trạng phòng còn trống*) hoặc để hạn chế Công ty P Việt Nam nhận đặt phòng từ các cá nhân và Công ty khác; Công ty PI không có bất kỳ quyền kiểm soát nào đối với Công ty P Việt Nam. Công ty PI không có quyền quyết định hoặc biểu quyết các chính sách tài chính hay các hoạt động kinh doanh của Công ty P Việt Nam; Công ty PI không thực hiện và cũng không cam kết thực hiện bất kỳ hoạt động góp vốn đầu tư nào tại Công ty P Việt Nam. Công ty PI cũng không đóng bất kỳ vai trò gì trong quá trình ra quyết định hay quá trình quản lý của Công ty P Việt Nam. Vì những lý do trên, Công ty PI không có ý định tham gia vào việc giải quyết vụ kiện này và mong muốn không tham dự bất kỳ thủ tục tố tụng nào liên quan đến vụ kiện này nên đề nghị Tòa án Việt Nam giải quyết vắng mặt.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2019/HC-ST ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 và Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 49 Luật quản lý thuế năm 2019;

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ; Căn cứ tiết 1, điểm 4.3, khoản 4, Điều 3; khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/04/2010 của Bộ Tài chính; Căn cứ khoản 4 Điều 154; khoản 4 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH P Việt Nam:

+ *Hủy một phần Kết luận thanh tra thuế số 1164/KL-CT ngày 08/3/2018 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hòa đối với các nội dung liên quan đến thuế TNDN ấn định đối với Công ty và Chi nhánh Khánh Hòa của Công ty, cụ thể: khoản 3.1, khoản 3.2 Điều 2 tại Mục B “về việc chấp hành pháp luật thuế”, điểm b Điều 2 tại Mục B “chênh lệch thuế TNDN”; đoạn 1 khoản 3.1, khoản 3.2 Điều 3 tại Mục B về “Xác định vi phạm của đơn vị về chấp hành pháp luật thuế ” và Mục C về “Các yêu cầu và kiến nghị”*

+ *Hủy toàn bộ Quyết định số 359/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa về việc ấn định tỷ suất thu nhập thuần trước thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng chi phí từ hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến số tiền thuế phải nộp.*

+ *Hủy một phần Quyết định số 360/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hòa về việc xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp*

hành pháp luật thuế, đối với các nội dung liên quan đến thuế TNDN ấn định đối với Công ty và Chi nhánh Khánh Hòa của Công ty, cụ thể: Mục A của Điều 1; các nội dung liên quan đến thuế TNDN tại Mục B của Điều 1; các nội dung liên quan đến thuế TNDN phần lý do tại Mục C của Điều 1; các nội dung liên quan đến thuế TNDN của Điều 2. Ngoài ra, những nội dung liên quan đến thuế GTGT, TNCN và nhà thầu nước ngoài tại (Mục C), Công ty TNHH P Việt Nam không yêu cầu.

Giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22/08/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Về án phí: Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hòa mỗi người bị kiện phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn lại cho Công ty TNHH P Việt Nam 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí Hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000656 ngày 21/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;

- Ngày 11/12/2019 Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa và Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa có Đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P Việt Nam vì:

+ Vấn đề Tòa án kết luận Thông tư 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ không còn hiệu lực thì tại thời điểm năm 2014-2016 chỉ có Thông tư 66/2010/TT-BTC hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết; ngoài ra không có Nghị định, Thông tư nào khác. Thông tư 66/2010/TT-BTC chỉ bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư 41/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017, Điều 6 “*Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định số 20/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành. Bãi bỏ Thông tư số 66/2010/TT-BTC và Mẫu số 03-7/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính*”. Do đó, Cục Thuế khẳng định việc áp dụng Thông tư 66 để điều chỉnh và xử lý đối với Công ty P cho niên độ từ 2014-2016 là đúng quy định của Pháp luật.

+ Ngày 13/9/2017, Công ty P đã tự xác định và kê khai *Phụ lục thông tin giao dịch liên kết* (Mẫu số 03-7/TNDN) là thể hiện ý chí chủ quan của Doanh nghiệp, không phải yêu cầu từ phía cơ quan Thuế. Quá trình thanh tra thuế, Cục Thuế đã nhiều lần yêu cầu Công ty P cung cấp thông tin, dữ liệu và tài liệu để chứng minh việc kê khai, hạch toán giá thị trường đối với giao dịch liên kết nhưng Công ty P không cung cấp nên Cơ quan Thuế đã tiến hành khảo sát và ấn định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 9 và khoản 2 Điều 5 Thông tư 66/2010/TT-BTC và ban hành Kết luận thanh tra số 1164/KL-CT ngày 08/3/2018. Công ty P khiếu nại và tự nộp bổ sung Báo cáo xác định giá thị trường niên độ tài chính 2014-2016 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A lập ngày 05/5/2018, Báo cáo cũng đã ghi nhận Công ty P và Công ty PI là các bên liên kết trong năm 2014 - 2016 và điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế năm 2015 là 31.333.790.304 đồng so với thu nhập chịu thuế theo sổ sách kế toán.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 276/QĐ-VKS-HC ngày 13/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm

của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa vì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty P trong khi chưa thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ nhằm làm rõ có hay không có quan hệ liên kết giữa Công ty P Việt Nam với Công ty PI (*đăng ký tại Vương Quốc Anh*) là chưa đủ cơ sở vững chắc, cụ thể cần thu thập những chứng cứ, tài liệu sau:

+ Thông qua hoạt động tương trợ tư pháp làm rõ giữa Công ty TNHH P Việt Nam, Công ty PI (*đăng ký tại Vương Quốc Anh*) và Công ty P T (*đăng ký tại Vương Quốc Anh*) có quan hệ “*góp vốn, chi phối, điều hành, kiểm soát*” nhau hay không?

+ Trưng cầu giám định tài chính để xác định hoạt động kinh doanh giữa Công ty TNHH P Việt Nam với Công ty PI (*đăng ký tại Vương Quốc Anh*) trong các năm 2014, 2015, 2016 có “*quan hệ liên kết*” để “*chuyển giá, trốn thuế*” hay không?

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bị kiện giữ nguyên kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa kết luận Công ty P Việt Nam có “*quan hệ liên kết*” với Công ty PI (*đăng ký tại Vương Quốc Anh*) để “*chuyển giá, trốn thuế*”, từ đó ban hành các Quyết định truy thu thuế, xử phạt chậm nộp thuế là không đủ cơ sở, không đúng quy định của pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu Người bị kiện và yêu cầu cơ quan chủ quản - Tổng Cục Thuế yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh Công ty P Việt Nam có “*quan hệ liên kết*” với Công ty PI (*đăng ký tại Vương Quốc Anh*) nhằm mục đích “*chuyển giá, trốn thuế*” theo đúng quy định của pháp luật, nhưng Người bị kiện và Tổng Cục Thuế không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ban hành các Quyết định truy thu, xử phạt thuế của mình là đúng; do đó, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 276/QĐ-VKS-HC ngày 13/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Đối với kháng cáo của Người bị kiện, thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét thấy không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm (có Văn bản gửi kèm theo).

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay công bố Quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 276/QĐ-VKS-HC ngày 13/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nên chỉ còn kháng cáo của Người bị kiện được xem xét tại phiên tòa.

[2] Năm 2018, Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2016 tại Công ty TNHH P Việt Nam, Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa căn cứ Dấu hiệu thứ nhất: Công ty TNHH P Việt Nam được thành lập bởi Công ty TNHH P Việt Nam (*chiếm 95% vốn điều lệ*) và bà Hoàng Thị Phong T (*chiếm 5% vốn điều lệ*). Công ty TNHH P Việt Nam do Công ty P F (*đăng ký tại Ai Cập*) là chủ sở hữu 100% vốn đầu tư. Tại *Bản giải trình khả năng đáp ứng điều kiện* của nhà đầu tư ngày 20/10/2014 của Công ty P F nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa, Công ty tự xác định: “...Nhà đầu tư là một Công ty cùng tập đoàn của P T, được thành lập năm 1994...”. Tại *Biên bản làm việc* ngày 03/10/2017 với Đoàn Thanh tra, Công ty TNHH Lữ hành P Việt Nam cho biết Công ty TNHH Lữ hành P Việt Nam, Công ty TNHH P Việt Nam và các Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*), Công ty PI (*đăng ký tại Thổ Nhĩ Kỳ*) đều là các Công ty con thuộc Tập đoàn P T (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) do ông R và bà K là đại diện theo pháp luật. Tra cứu Trang Web giới thiệu, đăng ký thương hiệu của Chính phủ Anh: https://*****/trade-marks; thì thấy nhãn hiệu P là nhãn hiệu số 1 của Tập đoàn P T được đăng ký bảo hộ tại Anh Quốc từ ngày 30/7/2013 đến ngày 30/7/2023 với phạm vi bảo hộ độc quyền trên toàn cầu, những đơn vị nào sử dụng nhãn hiệu P trong hoạt động kinh doanh đều thuộc Tập đoàn P T và các Hợp đồng giữa Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) với Công ty P Việt Nam thì Công ty P Việt Nam sử dụng nhãn hiệu P. Vì các lý do trên, Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa gián tiếp kết luận Công ty TNHH P Việt Nam, Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*), Công ty PI (*đăng ký tại Thổ Nhĩ Kỳ*), Công ty PF (*đăng ký tại Ai Cập*) đều là các “*Công ty con*” thuộc Tập đoàn P T (*đăng ký tại Vương quốc Anh*); Dấu hiệu thứ hai: Từ năm 2014-2016, Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) kiểm soát trên 50% sản lượng tiêu thụ (công suất phòng) của Công ty P Việt Nam nên căn cứ quy định tại tiết 1, điểm 4.3, khoản 4, Điều 3 Thông tư 66/2010/TT-BTC Đoàn thanh tra xác định Công ty P Việt Nam có “*giao dịch liên kết*” với Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*). Hơn nữa, trước khi Cục Thuế công bố Quyết định thanh tra thì Công ty P Việt Nam cũng tự kê khai theo Mẫu số 03-7/TNDN ban hành kèm Thông tư số 156/2013/TT-BTC cho giai đoạn 2014-2016, thừa nhận có “*quan hệ liên kết*” với Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) nhưng cho rằng giá trị ghi nhận theo sổ sách kế toán không chênh lệch với giá trị xác định lại theo giá thị trường nên không thực hiện điều chỉnh lại lợi nhuận. Vì các căn cứ trên, Đoàn thanh tra Thuế xác định Công ty P Việt Nam và Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) có “*quan hệ liên kết*” là có cơ sở, đúng pháp luật; từ dấu hiệu thứ nhất và dấu hiệu thứ hai nêu trên, Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa cho rằng theo quy định tại điểm 4.3, khoản 4, Điều 3 Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính thì “...l) Một doanh nghiệp kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp trên 50% sản phẩm tiêu thụ (tính theo từng

chủng loại sản phẩm) của một doanh nghiệp khác; ...” nên xác định từ năm 2014 - 2016 Công ty TNHH P Việt Nam có “quan hệ liên kết” với Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) nên ban hành các Quyết định ấn định tỷ suất thu nhập thuần trước thuế và truy thu, xử phạt thuế đối với Công ty TNHH P Việt Nam.

[2] Xét Dấu hiệu thứ nhất, cấp phúc thẩm xét thấy tại *Bản tuyên thệ* ngày 03/01/2020 bà N, Quốc tịch Anh (được Công chứng viên D, thuộc Văn phòng công chứng V, Anh, chứng thực - bl 680) viết “*Tôi là giám đốc duy nhất của Công ty PI (đăng ký tại Anh) một Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân được thành lập hợp lệ và tồn tại theo luật pháp của Anh và xứ Wales, đã đăng ký với Cơ quan đăng ký Công ty của Anh và xứ Wales số 05723529*”; như vậy, căn cứ *Biên bản làm việc* ngày 03/10/2017 với Đoàn Thanh tra của Công ty TNHH Lữ hành P Việt Nam và *Bản giải trình khả năng đáp ứng điều kiện* ngày 20/10/2014 của Công ty P F (đăng ký thành lập tại Ai Cập) thì chưa đủ cơ sở xác định Công ty TNHH P Việt Nam, Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh), Công ty PI (đăng ký tại Thổ Nhĩ Kỳ), Công ty P F (đăng ký tại Ai Cập) đều là các “*Công ty con*” thuộc Tập đoàn P T (đăng ký tại Vương quốc Anh). Đối với nhãn hiệu P mà Công ty TNHH P Việt Nam sử dụng nếu giống nhãn hiệu mà Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh), Công ty PI (đăng ký tại Thổ Nhĩ Kỳ), Công ty P F (đăng ký tại Ai Cập), Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) sử dụng mà nhãn hiệu P này là nhãn hiệu của Tập đoàn P T (đăng ký tại Vương quốc Anh) đã đăng ký bảo hộ toàn cầu, mà Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa không có tài liệu, chứng cứ kết luận Công ty P Việt Nam có “*quan hệ liên kết*” với Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) để thực hiện việc “*chuyển giá, trốn thuế*” thì chỉ là hành vi vi phạm Luật sở hữu trí tuệ, có thể bị pháp luật Việt Nam xử lý nếu Công ty giữ bản quyền nhãn hiệu P có đăng ký bảo hộ tại Việt Nam khởi kiện tại Tòa án Việt Nam. Vì không đủ cơ sở kết luận Công ty TNHH P Việt Nam, Công ty PI (đăng ký tại Anh) Công ty PI (đăng ký tại Thổ Nhĩ Kỳ) là các “*Công ty con*” thuộc Tập đoàn P T (đăng ký tại Vương quốc Anh) nên *Kết luận thanh tra thuế* số 1164/KL-CT và Quyết định số 360/QĐ-CT của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa không nêu dấu hiệu này khi kết luận Công ty TNHH P Việt Nam và Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) có “*quan hệ liên kết*” để truy thu, xử phạt thuế và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Nguyễn Thành thừa nhận đây không phải căn cứ để Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa kết luận Công ty TNHH P Việt Nam và Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) có “*quan hệ liên kết*”.

[3] Xét Dấu hiệu thứ hai (Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa căn cứ việc trước khi Cục Thuế công bố Quyết định thanh tra tại trụ sở Công ty P Việt Nam thì Công ty P Việt Nam đã nộp bản tự khai theo Phụ lục số 03-7/TNDN (ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC) trình bày Công ty PI thường đặt trên 50% sản lượng phòng ngủ hàng năm của Công ty P Việt Nam, thừa nhận hai bên “*có quan hệ liên kết*”,...) từ đó xác định Công ty P Việt Nam và Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) có “*quan hệ liên kết*” nhằm mục đích “*chuyển giá, trốn thuế*” là chưa đủ cơ sở vì:

[3.1] Tại *Bản tuyên thệ* ngày 03/01/2020 bà N, Quốc tịch Anh (được Công chứng viên D, thuộc Văn phòng công chứng V, vương quốc Anh, công chứng – bút lục 680) viết “*Tôi là giám đốc duy nhất của Công ty PI (đăng ký tại Anh) một*

Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân được thành lập hợp lệ và tồn tại theo luật pháp của Anh và xứ Wales, đã đăng ký với Cơ quan đăng ký Công ty của Anh và xứ Wales số 05723529". Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N bác bỏ cáo buộc Công ty PI và Công ty TNHH P Việt Nam có “*quan hệ liên kết*”, đồng thời trình bày Công ty PI có hợp đồng với Công ty TNHH P Việt Nam đặt phòng nhưng đơn thuần là quan hệ thương mại; không có bất kỳ điều khoản, điều kiện nào trong hợp đồng buộc Công ty PI phải đặt một số lượng phòng cụ thể hoặc tối thiểu; Công ty PI không có bất kỳ quyền hay sự lựa chọn nào được bảo đảm bởi hợp đồng để được giữ trên 50% công suất phòng (*việc đặt phòng sẽ tùy thuộc vào tình trạng phòng còn trống*); Công ty PI không có quyền quyết định hoặc biểu quyết các chính sách tài chính hay các hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH P Việt Nam; Công ty PI không cam kết thực hiện bất kỳ hoạt động góp vốn đầu tư nào và cũng không đóng bất kỳ vai trò gì trong quá trình ra quyết định hay quá trình quản lý của Công ty TNHH P Việt Nam và trên thực tế Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa không tìm thấy bất cứ Hợp đồng, Văn bản nào thể hiện Công ty P Việt Nam cam kết hoặc Công ty PI yêu cầu Công ty P Việt Nam phải đảm bảo cung cấp cho Công ty PI trên 50% số lượng phòng của Công ty P Việt Nam. Trả lời lý do việc Công ty P Việt Nam tự kê khai *Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết* theo Mẫu số 03-7/TNDN và nộp *Báo cáo xác định giá thị trường* do Công ty A thực hiện (ghi Công ty P Việt Nam “*có quan hệ liên kết*” với Công ty PI – *đăng ký tại Vương quốc Anh*) là vì Đoàn Thanh tra của Cục Thuế triệu tập Công ty làm việc nhiều lần với lý do Công ty P Việt Nam có “*quan hệ liên kết*” với Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) nhằm mục đích “*chuyển giá, trốn thuế*” nên phát và yêu cầu Công ty phải kê khai theo mẫu in sẵn (Mẫu 03-7/TNDN - *Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết*); trong khi Công ty chỉ mong muốn việc thanh tra sớm kết thúc để ổn định sản xuất, kinh doanh nên đã kê khai theo mẫu in sẵn và nhờ Công ty A giúp lập *Báo cáo xác định giá thị trường* ghi “*có quan hệ liên kết*” chứ thực chất Công ty P Việt Nam không có “*quan hệ liên kết*” với Công ty PI (*đăng ký tại Vương quốc Anh*) nhằm mục đích “*chuyển giá, trốn thuế*”.

[3.2] Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ đều là các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, còn Thông tư số 66/2010/TT-BTC chỉ hướng dẫn thực hiện một phần của 2 Nghị định này về “*quan hệ liên kết*”. Xét, niên độ thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế đối với Công ty TNHH P Việt Nam (từ 2014 – 2016) lúc này Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính có hiệu lực áp dụng để kết luận các bên có “*quan hệ liên kết*” hay không; tuy nhiên, khi Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định thanh tra thuế số 1838/QĐ-CT ngày 06/9/2017 thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế đối với Công ty TNHH P Việt Nam (từ 2014 – 2016) thì Chính phủ đã ban hành riêng Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 “*quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết*” và Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 41/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 bãi bỏ Thông tư 66/2010/TT-BTC và Mẫu số 03-7/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC từ ngày 01/5/2017. Xét, Thông tư số 66/2010/TT-BTC, Điều 3,

Khoản 4, điểm 4.3 định nghĩa các bên có “*quan hệ liên kết*” khi có dấu hiệu: “...l) Một doanh nghiệp kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp trên 50% sản phẩm tiêu thụ (tính theo từng chủng loại sản phẩm) của một doanh nghiệp khác;...””; tuy nhiên, dấu hiệu này không chính xác để kết luận các bên có “*quan hệ liên kết*” để thực hiện việc “*chuyển giá, trốn thuế*” nên Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, Điều 5 định nghĩa về các bên có “*quan hệ liên kết*” để thực hiện việc “*chuyển giá, trốn thuế*” đã loại bỏ dấu hiệu này; trong khi đó khoản 4 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “*Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản mới*”); do đó, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ là văn bản pháp luật có hiệu lực áp dụng để kết luận Công ty P Việt Nam có “*quan hệ liên kết*” với Công ty PI để thực hiện việc “*chuyển giá, trốn thuế*” đối với cả niên độ kinh doanh từ năm 2014 đến năm 2016.

[3.3] Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, Điều 5 - Định nghĩa về các bên có “*quan hệ liên kết*” bỏ dấu hiệu “...l) Một doanh nghiệp kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp trên 50% sản phẩm tiêu thụ (tính theo từng chủng loại sản phẩm) của một doanh nghiệp khác;...” (quy định tại Thông tư số 66/2010/TT-BTC, Điều 3, Khoản 4, điểm 4.3) nhưng bổ sung Điều 10 quy định để kết luận các bên có “*quan hệ liên kết*” để thực hiện việc “*chuyển giá, trốn thuế*” thì cần xem xét “*Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao trong trường hợp Công ty mẹ tối cao của người nộp thuế phải nộp Báo cáo này cho Cơ quan thuế nước sở tại theo biểu mẫu kê khai của Cơ quan thuế nước sở tại hoặc Biểu mẫu kê khai theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này...*”. Nhằm xác định chính xác Công ty P Việt Nam và Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) có “*quan hệ liên kết*” và đã thực hiện “*chuyển giá, trốn thuế*” không thì Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 4187/2020/QĐUT ngày 07/12/2020 ủy thác cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tiến hành thu thập chứng cứ là Báo cáo tài chính của Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) hoặc Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Tập đoàn P T (đăng ký tại Vương quốc Anh) về số liệu thu, chi tài chính trong khoảng thời gian từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2016 (thời gian Công ty TNHH P Việt Nam bị Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế). Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã yêu cầu Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa cung cấp tài liệu theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa đã cung cấp cho Tòa án tập Văn bản tiếng Anh (không có bản dịch tiếng Việt) với tiêu đề “*PI LIMITED – FINANCIAL STATEMENTS YEAR ENDER 31 DECEMBER 2015; PI LIMITED – FINANCIAL STATEMENTS YEAR ENDER 31 DECEMBER 2016 (có hợp pháp hóa lãnh sự) và PI LIMITED – FINANCIAL STATEMENTS YEAR ENDER 31 DECEMBER 2017 (không có hợp pháp hóa lãnh sự)*”, đồng thời cho biết “*đây là tài liệu Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa thu thập được trong quá trình hoạt động nghiệp vụ thanh tra Công ty TNHH P Việt Nam do Tổng cục Thuế hỗ trợ. Trường hợp cần thiết, đề nghị Quý Tòa liên hệ với Tổng cục Thuế (Vụ hợp tác quốc tế) là cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cung cấp tài liệu theo yêu cầu*”. Để có căn cứ

xem xét các tập văn bản tiếng Anh nêu trên có phải là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 82 và khoản 3 Điều 83 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 hay không, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Công văn số 779/2021/CV ngày 02/4/2021 yêu cầu Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính và Vụ Hợp tác Quốc tế thuộc Tổng cục Thuế: *“Xác định nguồn gốc các tài liệu đã hỗ trợ Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa nêu trên; cung cấp bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực hợp pháp”* và yêu cầu cho biết ý kiến chuyên môn về một số vấn đề có liên quan trong vụ án. Tại Công văn số 1561/TCT-PC ngày 18/5/2021, Tổng cục Thuế trả lời: *“...Đây là báo cáo tài chính năm 2015, 2016, 2017 của Công ty PI, một Công ty được đăng ký tại Vương quốc Anh, có trụ sở tại London không phải là đối tượng phải nộp báo cáo tài chính cho cơ quan Thuế Việt Nam nên Tổng cục Thuế Việt Nam không có tài liệu này...Do đó, Tổng cục Thuế không có trách nhiệm, thẩm quyền xác định nguồn gốc và dịch tài liệu (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) do quý Tòa gửi kèm nên gửi trả lại quý Tòa”*. Như vậy, không có căn cứ để xác định các tập văn bản bằng tiếng Anh nêu trên là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 82 và khoản 3 Điều 83 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Với các tài liệu, chứng cứ dẫn chứng và phân tích tại các luận điểm nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa căn cứ tiết 1, điểm 4.3, khoản 4, Điều 3 Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính xác định niên độ 2014 - 2016 Công ty TNHH P Việt Nam có *“quan hệ liên kết”* với Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) và đã thực hiện việc *“chuyển giá, trốn thuế”*; từ đó ban hành Quyết định số 359 ngày 08/3/2018 ấn định tỷ suất thu nhập thuần trước thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng chi phí từ hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến số tiền thuế phải nộp và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 360/QĐ-CT ngày 08/3/2018 truy thu thuế và xử phạt chậm nộp thuế đối với Công ty TNHH P Việt Nam trong niên độ kinh doanh 2014 – 2016 là chưa đủ cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P Việt Nam hủy một phần Kết luận thanh tra thuế số 1164/KL-CT ngày 08/3/2018 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa (về các nội dung liên quan đến thuế TNDN ấn định đối với Công ty P Việt Nam), hủy toàn bộ Quyết định số 359/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, hủy một phần Quyết định số 360/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hòa là có cơ sở, đúng pháp luật. Nếu Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa tìm được chứng cứ, tài liệu chứng minh Công ty TNHH P Việt Nam và Công ty PI (đăng ký tại Vương quốc Anh) có *“quan hệ liên kết”* đã thực hiện việc *“chuyển giá, trốn thuế”* trong niên độ kinh doanh 2014 – 2016 thì có quyền xem xét truy thu, xử phạt thuế đối với Công ty TNHH P Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa và Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Sau khi Cục thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 359/QĐ-CT ngày 08/3/2018 về việc ấn định tỷ suất thu nhập thuần trước thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng chi phí từ hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến số tiền

thuế phải nộp, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 360/QĐ-CT ngày 08/3/2018 về việc xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế, thì Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành các Quyết định cưỡng chế thi hành (số 2037/QĐ-CT, số 2038/QĐ-CT và số 2039/QĐ-CT cùng ngày 16/8/2019) nên Công ty P Việt Nam có Đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22/8/2019 buộc Cục thuế tỉnh Khánh Hòa tạm đình chỉ thi hành Quyết định số 359/QĐ-CT ngày 08/3/2018, buộc Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa tạm đình chỉ thi hành Quyết định số 360/QĐ-CT ngày 08/3/2018. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm (hủy Quyết định số 359/QĐ-CT ngày 08/3/2018 và hủy một phần Quyết định số 360/QĐ-CT ngày 08/3/2018) nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 242, Điểm c Khoản 2 Điều 74 của Luật Tổ tụng hành chính hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa vì không còn cần thiết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, cụ thể:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 và Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 49 Luật quản lý thuế năm 2019; căn cứ tiết 1 điểm 4.3 khoản 4 Điều 3 và khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/04/2010 của Bộ Tài chính; căn cứ Điều 5, Điều 10 của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ; căn cứ khoản 4 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 82 và khoản 3 Điều 83 của Luật tổ tụng hành chính; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH P Việt Nam:

1. Hủy một phần Kết luận thanh tra thuế số 1164/KL-CT ngày 08/3/2018 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa đối với các nội dung liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) ấn định đối với Công ty TNHH P Việt Nam và Chi nhánh Khánh Hòa của Công ty, cụ thể: khoản 3.1, khoản 3.2 Điều 2 tại Mục B “*về việc chấp hành pháp luật thuế*”, điểm b Điều 2 tại Mục B “*chênh lệch thuế TNDN*”; đoạn 1 khoản 3.1, khoản 3.2 Điều 3 tại Mục B về “*Xác định vi phạm của đơn vị về chấp hành pháp luật thuế*” và Mục C về “*Các yêu cầu và kiến nghị*”

2. Hủy toàn bộ Quyết định số 359/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa về việc ấn định tỷ suất thu nhập thuần trước thuế thu nhập doanh

nghiệp trên tổng chi phí từ hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến số tiền thuế phải nộp.

3. Hủy một phần Quyết định số 360/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa về việc xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế, đối với các nội dung liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) ấn định đối với Công ty TNHH P Việt Nam và Chi nhánh Khánh Hòa của Công ty, cụ thể: Mục A của Điều 1; các nội dung liên quan đến thuế TNDN tại Mục B của Điều 1; các nội dung liên quan đến thuế TNDN phần lý do tại Mục C của Điều 1; các nội dung liên quan đến thuế TNDN của Điều 2; ngoài ra, những nội dung liên quan đến thuế GTGT, TNCN và nhà thầu nước ngoài tại (Mục C), Công ty TNHH P Việt Nam không yêu cầu.

4. Căn cứ Khoản 5 Điều 242, Điểm c Khoản 2 Điều 74 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22/08/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa vì không còn cần thiết.

5. Về án phí hành chính sơ thẩm: Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa mỗi Người bị kiện phải chịu 300.000 đồng; hoàn lại cho Công ty TNHH P Việt Nam 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000656 ngày 21/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

6. Về án phí hành chính phúc thẩm: Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa mỗi Người bị kiện phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mỗi Người bị kiện đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001129 ngày 09/01/2020 và số AA/2016/0001130 ngày 09/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa thì Người bị kiện đã thi hành xong khoản tiền này.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân